

Số: /KH-UBND

Thành phố Cao Bằng, ngày tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số thành phố Cao Bằng năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 356/KH-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng năm 2025; Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng ban hành Kế hoạch chuyển đổi số thành phố Cao Bằng năm 2025, cụ thể như sau:

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024

1. Công tác triển khai, hoàn thiện thể chế số

a) Kết quả đạt được:

Bám sát các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn cấp trên và Thành ủy Cao Bằng; UBND thành phố chỉ đạo xây dựng ban hành các văn bản tập trung triển khai thực hiện cụ thể hóa các nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đảm bảo, nội dung yêu cầu. Các văn bản triển khai quy định, hướng dẫn của trung ương, của tỉnh¹; về xây dựng kế hoạch, văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố².

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự nghiên cứu, tích cực tham mưu, đề xuất,

¹ Công văn 1134/UBND-VHTT ngày 24/5/2024 triển khai thực hiện Nghị định số 48/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ; triển khai và cung cấp thông tin danh mục dữ liệu mở theo Quyết định số 585/QĐ-UBND của UBND tỉnh; công văn số 2078/UBND-VHTT ngày 07/8/2024 sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID thực hiện DVCTT và rà soát, làm sạch tài khoản cán bộ giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; công văn số 2955/UBND-VHTT ngày 21/10/2024 hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ ban hành quy định về hoạt động thông tin cơ sở; công văn số 3223/UBND-VHTT ngày 11/11/2024 rà soát VBQPPL liên quan đến lĩnh vực thông tin và truyền thông

² Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 22/3/2024 triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số thành phố Cao Bằng năm 2024; Kế hoạch 169/KH-UBND ngày 06/5/2024 chuyển đổi số thành phố năm 2024; Kế hoạch số 188/KH-BCĐ ngày 17/6/2024 hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số thành phố Cao Bằng năm 2024; Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 03/7/2024 nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp, sử dụng DVCTT trên địa bàn thành phố Cao Bằng năm 2024; Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 30/9/2024 triển khai Nền tảng Công dân số trên địa bàn thành phố Cao Bằng; Công văn số 1035/UBND-VHTT ngày 17/5/2024 đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số năm 2024; công văn số 1702/UBND-VHTT ngày 09/7/2024 triển khai thực hiện thông báo kết luận số 2602/TB-VP ngày 18/6/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Cao Bằng nội dung về công tác chuyển đổi số; Công văn số 2080/UBND-VHTT ngày 07/8/2024 triển khai tích hợp, khai thác kết quả giải quyết TTHC và nâng cao các tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến; công văn số 3422/UBND-VHTT ngày 27/11/2024 nâng cao tỷ lệ, hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến...

triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo chỉ đạo của thành phố và các nội dung chỉ đạo theo ngành dọc cấp trên; trong thực hiện công tác thông tin báo cáo công tác chuyển đổi số, một số đơn vị chưa nêu rõ được nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực đơn vị phụ trách, khó khăn trong công tác tham mưu của cơ quan thường trực.

2. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

100% cán bộ, công chức, viên chức thành phố và phường, xã được trang bị máy tính, kết nối Internet, sẵn sàng tham gia sử dụng các ứng dụng, phần mềm phục vụ công việc. Thường xuyên chỉ đạo rà soát đề cập mới, thay đổi thông tin, gia hạn chữ ký số theo quy định, đảm bảo 100% các đơn vị và cá nhân Lãnh đạo, người có thẩm quyền sử dụng chữ ký số trong thực thi công vụ. Mạng truyền số liệu chuyên dùng được duy trì hoạt động tại thành phố và phường, xã. Duy trì đảm bảo, hoạt động thông suốt các hạ tầng, nền tảng số được triển khai: Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-IOFFICE; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Giám sát an toàn thông tin tỉnh Cao Bằng (SOC); Kết nối Cao Bằng; quản lý cán bộ, công chức, viên chức... 100% các phường, xã trên địa bàn thành phố được phủ sóng băng rộng di động; hạ tầng bưu chính, viễn thông phát triển đến tất cả các phường xã trên địa bàn thành phố; 03/03 xã có đài truyền thanh phục vụ công tác thông tin tuyên truyền; tại thành phố các doanh nghiệp viễn thông đang cung cấp thử nghiệm dịch vụ 5G; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt trên 90%; số lượng hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt trên 90%.

b) Tồn tại, hạn chế:

Hạ tầng về CNTT, viễn thông cơ bản đã đáp ứng nhu cầu điều kiện làm việc của cán bộ, công chức, viên chức thành phố và phường, xã. Tuy nhiên, một số hệ thống hạ tầng trong khi sử dụng chưa được khai thác hết chức năng. Một số cán bộ, công chức, viên chức chưa thật sự chủ động, nghiên cứu để áp dụng, sử dụng các hệ thống, phần mềm phục vụ hoạt động chuyên môn.

3. Công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được

Công tác đào tạo bồi dưỡng, phát triển nhân lực số luôn được Lãnh đạo thành phố quan tâm triển khai thực hiện, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng trình độ chuyên môn trong tình hình mới. Để phát triển về nhân lực số trên địa bàn thành phố, triển khai các nội dung, mục tiêu theo định hướng về chuyển đổi số, trong năm 2024, thành phố đã tổ chức nhiều hoạt động triển khai thông tin tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng và phối hợp, tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về

chuyển đổi số do tỉnh tổ chức³.

b) Tồn tại, hạn chế:

Với sự phát triển nhanh, mạnh của CNTT - viễn thông, nhân lực số tại thành phố hằng năm được đào tạo, bồi dưỡng nhưng còn hạn chế về mặt chuyên môn kỹ thuật, phụ thuộc nhiều vào các đơn vị cung cấp CNTT - viễn thông; nhân lực tại các đơn vị thành phố, phường xã đa số là kiêm nhiệm nên còn hạn chế trong công tác tham mưu triển khai tại đơn vị và báo cáo kết quả thực hiện.

4. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

Việc tạo lập, phát triển dữ liệu được Lãnh đạo UBND thành phố quan tâm, chỉ đạo thực hiện trên cơ sở định hướng, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn cấp trên; chỉ đạo đơn vị chuyên môn phối hợp với các đơn vị, phòng, ban thành phố và UBND phường, xã duy trì hoạt động, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành (hệ thống quản lý dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm thống kê ngành Tư pháp; hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo...); triển khai rà soát, cung cấp danh mục dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh và cung cấp trên trang thông tin điện tử UBND thành phố đảm bảo; thường xuyên chỉ đạo công chức bộ phận “một cửa” các cấp thực hiện tích hợp, đồng bộ kết quả giải quyết TTHC vào kho dữ liệu trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC phục vụ khai thác lại.

b) Tồn tại, hạn chế:

Việc triển khai các hệ thống thông tin để quản lý, cung cấp dữ liệu từ cấp trên và tại thành phố hiện nay được lưu trữ rời rạc trên các hệ thống thông tin khác nhau; chưa có kho dữ liệu dùng chung để phục vụ công tác quản lý, kết nối, số hóa, chia sẻ dữ liệu.

5. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

Thường xuyên triển khai các cảnh báo lỗ hổng bảo mật theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông tới các đơn vị thuộc thành phố và phường, xã yêu cầu triển khai thực hiện, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong

³ tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ thông tin cơ sở trên nền tảng học trực tuyến OneTouch - gồm 14 người tham dự (phòng VH-TT, Trung tâm VH-TT, công chức VHXX 11 phường, xã); Tập huấn quản trị, xử lý phản ánh, kiến nghị trên nền tảng Công dân số, với 42 người tham dự; bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến, với 90 CBCCVC thành phố; 114 CBCC phường xã tham gia; phối hợp với Trung tâm CNS và TT tỉnh tổ chức tập huấn kỹ năng số cơ bản cho người dân thuộc độ tuổi lao động tại xã Hưng Đạo, với 17 lớp, 1.353 người tham dự; đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức chuyển đổi số, hỗ trợ triển khai đề án 06 trực tuyến trên nền tảng MOOC, với 11 người tham dự; phối hợp với Viettel Cao Bằng tổ chức Tập huấn, hướng dẫn cài đặt, sử dụng phần mềm phòng chống mã độc tập trung cho đầu mối các đơn vị thành phố, phường xã, với 31 người tham dự...

công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng; phối hợp với Viettel Cao Bằng tổ chức hướng dẫn cài đặt, sử dụng phần mềm phòng chống mã độc tập trung cho các đơn vị thành phố và phường xã; thực hiện gán nhãn tín nhiệm mạng cho trang thông tin điện tử UBND thành phố và 11 trang thông tin điện tử UBND các phường, xã trên địa bàn thành phố nhằm tăng mức độ uy tín đối với người dân đối với các trang thông tin điện tử, đồng thời hỗ trợ ngăn chặn việc lợi dụng tên miền thực hiện các hành vi lừa đảo trên không gian mạng, tham gia đầy đủ các cuộc tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng do tỉnh tổ chức.

b) Tồn tại, hạn chế:

Tại thành phố không có công chức chuyên trách, chuyên sâu về an toàn, an ninh thông tin mạng nên hạn chế trong công tác tham mưu, triển khai thực hiện về an toàn thông tin; một số đơn vị chưa thực hiện cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung sau khi tập huấn, hướng dẫn cài đặt, sử dụng.

6. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

Duy trì hoạt động các hệ thống thông tin phục vụ chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số, nâng cao hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành và hỗ trợ, trao đổi, cung cấp thông tin với người dân trên địa bàn thành phố.

- Hệ thống quản lý điều hành văn bản duy trì, hoạt động, 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thành phố, phường xã được cấp tài khoản và sử dụng thường xuyên; trong năm 2024 (01/01/2024-31/12/2024) UBND thành phố phát hành 10.602 văn bản đi hoàn toàn điện tử, tỷ lệ văn bản áp dụng ký số 100%.

- Số lượng trang thông tin điện tử của thành phố, phường xã đang hoạt động là 13 (01 trang thông tin điện tử UBND thành phố; 01 trang thông tin điện tử thuộc Trung tâm Văn hóa và Truyền thông thành phố và 11 trang thông tin điện tử của 11 UBND phường xã).

- Thư điện tử công vụ được duy trì sử dụng trong trao đổi văn bản, phục vụ tài khoản học trực tuyến trong các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn do trung ương, tỉnh tổ chức.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến được duy trì hoạt động, kết nối tới trung ương, cấp tỉnh, phường xã phục vụ các hội nghị trực tuyến được tổ chức (01 điểm cầu tại UBND thành phố, 11 điểm cầu tại phường xã).

- Hệ thống giải quyết TTHC triển khai đến 100% đơn vị, công khai minh bạch toàn bộ quy trình. Tỷ lệ Hồ Sơ trực tuyến đạt 89%; Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ đạt 86%; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến toàn trình đạt 83%; tỷ lệ hồ sơ số hóa đạt 98,45%.

b) Tồn tại, hạn chế:

Dữ liệu về các lĩnh vực quản lý từ cấp trên và tại thành phố hiện nay được lưu trữ rời rạc trên các hệ thống thông tin khác nhau, khó khăn trong công tác quản lý, nắm bắt để đưa ra chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo thành phố; hạn chế về kinh phí để triển khai chuyển đổi toàn bộ hệ thống truyền thanh hiện nay sang hệ thống truyền thanh ứng dụng CNTT - viễn thông; người dân vẫn chưa thay đổi được thói quen truyền thống là thực hiện dịch vụ công trực tuyến thay vì đến trực tiếp dẫn đến tăng khối lượng công việc của cán bộ một cửa thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ.

7. Kinh tế số và xã hội số

a) Kết quả đạt được:

- Số lượng doanh nghiệp nộp thuế điện tử 833/833 doanh nghiệp, đạt 100%.
- Số lượng doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử đến thời điểm hiện tại là 820/833 đạt 98,4%.
- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác: trên 85%.
- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh: đạt 92,7%.
- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt: 97,8%.
- Số lượng hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng: trên 90%.
- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thanh toán tiền điện không dùng tiền mặt: trên 85%.
- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt: đạt 94,1%.

b) Tồn tại, hạn chế

Công tác tuyên truyền phổ biến về các dịch vụ phát triển kinh tế số được triển khai sâu, rộng tới các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, một số người dân vẫn chưa chủ động nghiên cứu áp dụng sử dụng, còn thói quen sử dụng truyền thống, như: thanh toán bằng tiền mặt mua hàng trực tiếp...; chưa thu hút được các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư vào chuyển đổi số; tỉ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng số còn hạn chế.

8. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

8.1. Ngày chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Bám sát chỉ đạo, định hướng của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 2243/KH-UBND ngày 27/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về tổ chức các hoạt động hưởng

ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, với chủ đề *“Phổ cập hạ tầng số và sáng tạo ứng dụng số để phát triển kinh tế số - Động lực mới cho tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động”*; UBND thành phố ban hành văn bản triển khai tổ chức thực hiện các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 (*Công văn 2655/UBND-VHTT ngày 55/9/2024*) chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn thành phố tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo thiết thực, hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức cho người dân về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số với các hoạt động cụ thể như: tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về công nghệ số, kỹ năng số cho Tổ chuyển đổi số cộng đồng; tổ chức ra quân hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cài đặt và sử dụng ứng dụng đo tốc độ truy cập internet (i-Speed), cài đặt Nền tảng Công dân số, sử dụng các dịch vụ ngân hàng trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, hướng dẫn các kỹ năng liên quan đến thương mại điện tử, livestream, quảng bá sản phẩm trên môi trường số, thanh toán số, đẩy mạnh triển khai không dùng tiền mặt và chuyển đổi số tại cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố.

b) Tồn tại, hạn chế:

Việc triển khai hưởng ứng Ngày chuyển đổi số còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế, trong đó chủ yếu: hạn chế kinh phí để tổ chức các hoạt động phong phú, truyền tải, ví dụ như in ấn các tờ rơi, tờ gấp phát đến các tổ, xóm, người dân, tổ chức các hội thi... Mặt khác, nhận thức người dân không đồng đều, một số chưa thực sự quan tâm để tìm hiểu, chưa bỏ được thói quen đến thực hiện các dịch vụ công trực tiếp tại bộ phận một cửa...

1.2. Truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chuyên môn, Trung tâm Văn hóa và Truyền thông thành phố; UBND các phường, xã tập trung tuyên truyền phổ biến các chủ trương chính sách, pháp luật, chiến lược về ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân bằng các hình thức phù hợp với điều kiện tình hình thực tế; đẩy mạnh công tác tuyên truyền chuyển đổi số trên các phương tiện truyền thông thành phố, xây dựng và mở chuyên mục Chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử UBND thành phố và Trang thông tin điện tử tổng hợp Trung tâm Văn hóa và Truyền thông thành phố cập nhật tin, bài thường xuyên; Mở chuyên mục "Chuyển đổi số" phát sóng trên hệ thống truyền thanh thành phố (*chương trình truyền thanh ngày thứ 5 hàng tuần*). Thực hiện việc sản xuất các tin, bài, phóng sự về chuyển đổi số đăng tải thường xuyên và liên tục trên trang thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh cơ sở và các trang mạng xã hội Facebook, Zalo... Kết quả: thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của thành phố và phường, xã trên 60 tin, bài, phóng sự liên quan đến việc thực hiện công

tác chuyển đổi số của thành phố và các sở, ngành, cơ quan, đơn vị.

b) Tồn tại, hạn chế:

Công tác truyền thông về chuyển đổi số được thực hiện thường xuyên, liên tục cơ bản bằng các hình thức, như: triển khai văn bản, thông qua các cuộc họp, hội nghị, qua các phương tiện truyền thông hiện có tại thành phố và qua các mạng xã hội, chưa tổ chức được các hình thức phong phú, truyền thông trực tiếp tới các tổ dân phố, như: Qua hình thức sân khấu hóa tại cơ sở, tổ chức các hội thi, hội diễn truyền thông về công tác chuyển đổi số...

PHẦN II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin năm 2006;
- Luật Giao dịch điện tử năm 2005;
- Luật An toàn thông tin mạng năm 2015;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Quyết định số 1236/QĐ-TTg ngày 22/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối (Blockchain) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 07/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;

- Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 07/3/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của UBND tỉnh điều chỉnh danh mục nhiệm vụ thuộc Đề án chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng;

- Kế hoạch số 2769/KH-UBND ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng về Chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 1406/KH-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TU ngày 07/3/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 535/KH-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh triển khai Chương trình xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Kế hoạch số 506/KH-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Kế hoạch số 2230/KH-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về Chuyển đổi Ipv6 cho hệ thống mạng, dịch vụ công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025;

- Kế hoạch số 967/KH-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng thực hiện chiến lược quốc gia về kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Kế hoạch 2589/KH-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 25/9/2020 của UBND thành phố về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 01/7/2022 của UBND thành phố về Chuyển đổi số thành phố Cao Bằng giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu cơ bản

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, phối hợp triển khai thực hiện tái cấu trúc hạ tầng số; duy trì, phát triển các hệ thống nền tảng đáp ứng xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số trên địa bàn thành phố; Phối hợp, triển khai các giải pháp kết nối, cung cấp, chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các hệ thống thông tin.

- Triển khai thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số đồng bộ, toàn diện các lĩnh vực trên địa bàn thành phố theo chủ trương, lộ trình, hướng dẫn của tỉnh và điều kiện thực tế tại thành phố; quản lý các nguồn lực, dữ liệu an toàn, linh hoạt, hiệu quả, cung cấp các dịch vụ chất lượng hơn, kịp thời đưa ra các quyết định, chỉ đạo, đề xuất, ban hành các chính sách tốt hơn để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc, góp phần phát triển và quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố.

- Triển khai, nâng cao các chỉ số chuyển đổi số theo Bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh ban hành, giữ vững kết quả và thứ hạng chỉ số chuyển đổi số của thành phố.

- Đẩy mạnh cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau. Triển khai đảm bảo chuyển đổi số trong một số lĩnh vực ưu tiên; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyển đổi số, an toàn thông tin, tăng cường ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai thông tin tuyên truyền, ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Xây dựng Chính quyền số

- Duy trì đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức UBND thành phố và phường, xã được trang bị máy tính để phục vụ công việc và kết nối mạng Internet.

- 100% các văn bản của UBND thành phố gửi đến các đơn vị trực thuộc và UBND phường, xã, văn bản luân chuyển trong nội bộ cơ quan các đơn vị dưới dạng điện tử, trừ văn bản không được gửi qua môi trường mạng theo quy định (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy).

- 100% văn bản trao đổi giữa UBND thành phố và các đơn vị liên quan được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

- Duy trì hoạt động ổn định hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; kết nối ổn định với các hệ thống thanh toán đáp ứng nhu cầu thanh toán trực tuyến và kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu các ngành, đơn vị liên quan theo hướng dẫn của tỉnh.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ đạt từ 80% trở lên; tối thiểu 95% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% thông tin được cung cấp trên trang thông tin điện tử UBND thành phố và trang thông tin điện tử các phường, xã theo quy định.

- Triển khai hỗ trợ, giới thiệu các nền tảng số của quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố theo lộ trình, hướng dẫn của tỉnh.

- Trên 95% máy tính cán bộ, công chức, viên chức UBND thành phố và UBND phường, xã được cài đặt phần mềm phòng chống, mã độc.

- Tối thiểu 80% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

- Tối thiểu 60% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Phần đầu ít nhất 70% dữ liệu quản lý của các cơ quan nhà nước được số hóa, chuẩn hóa, đáp ứng các yêu cầu sẵn sàng tích hợp, kết nối, chia sẻ và lưu trữ tập trung trên nền tảng điện toán đám mây.

- Tối thiểu 80% các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, hạ tầng mạng viễn thông, công nghệ thông tin sẵn sàng đáp ứng cho chuyển đổi địa chỉ IPv4 sang địa chỉ IPv6.

- Triển khai đề nghị phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin do thành phố đầu tư, mua sắm.

- Phần đầu 100% cán bộ, công chức, viên chức UBND thành phố và UBND phường, xã được bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số.

- 85% hồ sơ công việc tại thành phố và 70% hồ sơ công việc tại phường, xã được xử lý trên môi trường mạng (*không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung bí mật nhà nước*).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến.

- Triển khai cung cấp dữ liệu theo yêu cầu, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên, để từng bước hình thành cơ sở dữ liệu mở kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị liên quan để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, khai thác trọn đời.

b) Phát triển kinh tế số

- Tối thiểu 70% doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố tiếp cận nền tảng chuyển đổi số.

- Tối thiểu 50% doanh nghiệp trên địa bàn thành phố ứng dụng các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất, kinh doanh; 80% trở lên doanh nghiệp thực hiện giao dịch điện tử trong các hoạt động về tài chính.

- Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử đạt 100%.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 15%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 5%.

- Từ 85% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác.

- 100% doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thực hiện nộp thuế điện tử.

- Phần đầu có ít nhất 30% doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, hộ kinh doanh,

cán bộ công chức, viên chức được tham gia các chương trình tập huấn về kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử, chuyển đổi số; từng bước hình thành các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp số và hợp tác xã số.

c) Phát triển xã hội số

- Duy trì hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến 100% phường, xã và trên 70% hộ gia đình.
- Duy trì, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại thông minh.
- Trên 55% người dùng điện thoại, thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt trên 80%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhận thức số

- Tiếp tục duy trì công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và tăng cường về tần suất thực hiện, phản ánh kịp thời các hoạt động của Lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp, các tổ chức, cá nhân hoạt động tích cực tham gia thực hiện công tác chuyển đổi số.

- Căn cứ hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và điều kiện thực tế của thành phố, ban hành văn bản triển khai tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng năm 2025, bảo đảm đúng chủ đề, thiết thực, hiệu quả.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và UBND phường, xã đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

- Triển khai tuyên truyền, phổ biến gắn bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia, ngày Chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng trên Trang thông tin điện tử của UBND thành phố, các Trang thông tin điện tử phường, xã. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về Ngày Chuyển đổi số quốc gia, ngày Chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng trên các phương tiện truyền thông thành phố, nền tảng mạng xã hội...

- Bám sát định hướng, chỉ đạo của UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn cấp trên, triển khai nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ chuyển đổi số cộng đồng trong việc hướng dẫn, tuyên truyền về chuyển đổi số, an toàn thông tin, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, sàn thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, khai thác sử dụng các ứng dụng kết nối người dân với Chính quyền...

2. Thể chế số

- Triển khai ban hành các nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình thúc đẩy chuyển đổi, xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số tại thành phố đảm bảo nội dung, định hướng, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn cấp trên.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ thành phố đến phường, xã để thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số.

- Tổ chức rà soát, bổ sung, đề xuất với cơ quan chuyên môn cấp trên hoàn thiện và ban hành các văn bản pháp luật theo quy định nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn thành phố; chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

3. Hạ tầng số

- Tổ chức triển khai, phối hợp thực hiện đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch số 2717/KH-UBND ngày 03/10/2023 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng số tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2023-2025.

- Thường xuyên rà soát, mua sắm nâng cấp trang thiết bị, máy tính cá nhân, máy in, máy quét... đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực hiện công việc theo từng chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị.

- Duy trì đảm bảo hoạt động ổn định và triển khai nâng cấp hệ thống hạ tầng phục vụ ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số hiện có của thành phố; đảm bảo kết nối an toàn, thông suốt các hệ thống thông tin giữa UBND thành phố và UBND các phường, xã để phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành.

- Duy trì, nâng cấp mạng di động 4G; Phát triển hạ tầng mạng di động 5G theo lộ trình, định hướng của tỉnh.

- Duy trì mạng truyền số liệu chuyên dùng thành phố, cấp xã phục vụ chính quyền số; đầu tư, thay thế trang thiết bị đảm bảo sẵn sàng chuyển đổi sang Ipv6 cho các hệ thống thông tin theo lộ trình của tỉnh.

4. Dữ liệu số

- Duy trì các ứng dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành hiện đang được sử dụng tại thành phố; thường xuyên tích hợp bổ sung dữ liệu theo định kỳ báo cáo.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tổ chức xây dựng, triển khai các ứng dụng cơ sở dữ liệu được thực hiện triển khai từ cấp trung ương, cấp tỉnh (nếu có).

- Tiếp tục triển khai ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; cơ sở dữ liệu quốc gia về công chức, viên chức; các cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan khác đang được sử dụng tại phòng, ban, đơn vị.

- Phối hợp, cung cấp thông tin dữ liệu thành phố theo lộ trình, chỉ đạo của tỉnh;

phục vụ triển khai và đưa vào sử dụng kho dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở của tỉnh để các cơ quan, đơn vị khai thác và sử dụng.

5. Nền tảng số

- Duy trì đảm bảo, thông suốt các hệ thống nền tảng hiện tại đang được sử dụng, ứng dụng tại thành phố: Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử công vụ, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Trang thông tin điện tử, Hệ thống quản lý hồ sơ CBCCVC, Hệ thống truyền thanh Thành phố...

- Trên cơ sở hướng dẫn, chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và điều kiện thực tế tại thành phố triển khai sử dụng các nền tảng số quốc gia, hỗ trợ các doanh nghiệp xác định chỉ số chuyển đổi số và sử dụng các nền tảng số phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Triển khai ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên để nâng cao nghiệp vụ, chất lượng tham mưu thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức.

6. Nhân lực số

- Tổ chức thiết lập mạng lưới nhân sự từ thành phố đến phường, xã để thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số.

- Tổ chức, phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức thành phố và phường, xã; đào tạo, bồi dưỡng các tổ chuyển đổi số cộng đồng đảm bảo năng lực, chuyên môn trong hỗ trợ, hướng dẫn người dân tiếp cận và thực hiện các nội dung về chuyển đổi số.

- Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng do cấp tỉnh tổ chức về chuyển đổi số, an toàn thông tin... chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức thành phố và phường, xã chủ động nghiên cứu sử dụng các ứng dụng, tham gia các nền tảng học trực tuyến do cấp trên tổ chức.

7. An toàn thông tin

- Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền điện tử, chính quyền số của thành phố đảm bảo theo định hướng, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn cấp trên.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, đề nghị cơ quan cấp trên phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin do thành phố đầu tư, xây dựng.

- Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, tập huấn về an toàn thông tin do tỉnh tổ chức; tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên

chức, người lao động và người dân trên địa bàn.

8. Chính quyền số

- Duy trì hoạt động đảm bảo các hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chính quyền số trong quản lý, điều hành và hoạt động hỗ trợ, thông tin trao đổi với người dân trên địa bàn thành phố (*Hội nghị truyền hình trực tuyến; quản lý văn bản và điều hành; thư điện tử công vụ; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; Trang thông tin điện tử thành phố; quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; Hệ thống truyền thanh...*).

- Triển khai có hiệu quả các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; rà soát, xác định dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần theo quyết định ban hành cung cấp đảm bảo trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Duy trì áp dụng chữ ký số tại các đơn vị trực thuộc UBND thành phố và phường, xã; các cán bộ, công chức có thẩm quyền sử dụng chữ ký số trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Triển khai thực hiện đảm bảo số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố, kho dữ liệu của cá nhân, tổ chức trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính giúp người dân, tổ chức thực hiện các dịch vụ công trực tuyến nhanh hơn, thông tin dữ liệu được kiểm chứng, người dân không phải cung cấp lại thông tin nhiều lần cho cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục chỉ đạo, duy trì thực hiện các tiêu chí trong Bộ chỉ số chuyển đổi số do UBND tỉnh ban hành, phục vụ đánh giá chỉ số chuyển đổi số thành phố.

- Triển khai, tổng hợp các dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý của thành phố, cung cấp cơ quan cấp trên theo lộ trình quy định.

9. Kinh tế số

- Trên cơ sở định hướng, chỉ đạo của UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn cấp trên, tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn thành phố; xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận sử dụng các nền công nghệ số, tham gia Chương trình chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh triển khai phát triển kinh tế số, cửa hàng số và tài khoản thanh toán điện tử cho các hộ gia đình, nâng cao đời sống vật chất cho người dân, thay đổi tư duy, phương thức, quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa theo cách làm truyền thống, giúp cho hộ gia đình ứng dụng công nghệ số trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, chuyển đổi việc mua bán trên nền tảng công nghệ số.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về công nghệ số, các mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh

nghiệm của những doanh nghiệp trong từng ngành, lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

- Triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn; Thực hiện Chương trình MTQG về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 theo lộ trình kế hoạch.

- Triển khai hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế...; thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn thành phố.

10. Xã hội số

- Tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo chương trình, đề án liên quan đến xã hội số; thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên như: Y tế, giáo dục, kế hoạch, tài chính...

- Thông tin tuyên truyền, tổ chức triển khai các nhiệm vụ, hoạt động nhằm thúc đẩy các tổ chức, cá nhân trên địa bàn sử dụng dịch vụ công trực tuyến; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, doanh nghiệp và cộng đồng trong việc phổ biến, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Duy trì đảm bảo phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang tới 100% phường, xã; Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G và chương trình phổ cập điện thoại thông minh theo lộ trình, hướng dẫn của tỉnh; khuyến khích các doanh nghiệp triển khai nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử.

- Thông tin tuyên truyền, triển khai việc tiếp nhận phản ánh hiện trường và xử lý thông tin trên nền tảng Công dân số tỉnh Cao Bằng.

- Triển khai các chương trình theo lộ trình cấp trên: mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh; mỗi hộ gia đình có một đường Internet cáp quang băng rộng; mỗi người dân có một danh tính số; mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số; mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến; mỗi người dân có một chữ ký số cá nhân; mỗi người dân có một phần mềm bảo vệ an toàn thông tin mạng cơ bản; mỗi người dân có kỹ năng số cơ bản.

- Triển khai, đơn đốc, hướng dẫn các Tổ chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn thành phố hoạt động, thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân một số kỹ năng số cơ bản, như: sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng...

- Phổ cập kỹ năng số, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên. Phát

triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại. Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm.

- Trên cơ sở hướng dẫn cơ quan cấp trên, tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong trường học thuộc phạm vi quản lý của thành phố, ưu tiên hoạt động ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường, trong công tác giảng dạy và học tập. Các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện thuộc phạm vi quản lý, chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

IV. DANH MỤC NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU NĂM 2025

(Có phụ lục chi tiết kèm theo kế hoạch này)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng HĐND và UBND thành phố

- Chủ trì tham mưu triển khai nâng cao hiệu quả hoạt động trang thông tin điện tử UBND thành phố, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, phòng họp trực tuyến, hệ thống quản lý điều hành văn bản, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo thành phố.

- Chủ trì, tham mưu rà soát các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố niêm yết công khai, kịp thời đăng tải trên trang thông tin điện tử UBND thành phố, tích hợp trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; duy trì dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần theo công bố của UBND tỉnh.

2. Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, định kỳ báo cáo UBND thành phố và cơ quan chuyên môn cấp trên theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Thành ủy Cao Bằng liên quan; nghiên cứu, lựa chọn áp dụng các thử nghiệm, giải pháp mới về công nghệ thông tin phục vụ quản lý, sản xuất và đời sống; tham mưu, lồng ghép các nhiệm vụ ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chuyển đổi số.

- Là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo chuyển đổi số thành phố có trách nhiệm tham mưu tăng cường hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo.

- Tham mưu, tổng hợp các nhiệm vụ, dự án công nghệ thông tin dự kiến thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 theo đề xuất của các đơn vị thuộc UBND thành phố, phường xã, báo cáo Lãnh đạo UBND thành phố và gửi cơ quan chuyên môn cấp trên xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu thực hiện các tiêu chí Bộ chỉ số chuyển đổi số do UBND tỉnh ban hành, phục vụ đánh giá hàng năm.

- Phối hợp với phòng Nội vụ thành phố triển khai, đánh giá các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số trong kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

- Chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực quản lý trong công tác chuyển đổi số theo hướng dẫn của cấp trên.

- Tham mưu bố trí nguồn vốn sự nghiệp khoa học, công nghệ để thực hiện các đề tài, dự án phát triển chính quyền số, chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

3. Phòng Nội vụ thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, cập nhật các tiêu chí về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác thi đua - khen thưởng; trên cơ sở hướng dẫn của cấp trên bổ sung các tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào quy định xác định chỉ số cải cách hành chính các đơn vị thuộc UBND thành phố, phường xã.

- Duy trì hoạt động và thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn cập nhật thông tin hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố trên hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố

- Tham mưu cấp có thẩm quyền căn cứ ngân sách địa phương bố trí kinh phí đảm bảo triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch.

- Bám sát chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu triển khai công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND thành phố

- Chủ động phối hợp với phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin, Văn phòng HĐND và UBND thành phố, các đơn vị liên quan trong việc triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.

- Cụ thể hóa các nội dung của kế hoạch, đưa việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số vào kế hoạch hoạt động năm của đơn vị. Chủ động, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch.

6. Ủy ban nhân dân các phường, xã

- Tổ chức thông tin tuyên truyền, quán triệt, chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn quản lý; ý nghĩa tầm quan trọng của công tác chuyển đổi số.

- Chủ động, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan của thành phố trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch này.

- Căn cứ nội dung kế hoạch này xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của đơn vị, gửi về UBND thành phố (qua phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin) trước ngày 15/4/2025.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Các đơn vị phân Tổ chức thực hiện;
- Trang TTĐT thành phố;
- Đội Thuế liên huyện thành phố Cao Bằng - Thạch An;
- Lưu: VT, VHKHTT (Th).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Trường

DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /3/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng)

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Duy trì các hệ thống, phần mềm đã được triển khai			
-	Hội nghị truyền hình trực tuyến	VP HĐND và UBND	Phòng VHKHTT; UBND phường, xã	
-	Hệ thống quản lý điều hành văn bản	VP HĐND và UBND	Các cơ quan đơn vị thành phố; UBND phường, xã	
-	Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính	VP HĐND và UBND	Các cơ quan đơn vị thành phố; UBND phường, xã	
-	Trang thông tin điện tử thành phố	VP HĐND và UBND	Các cơ quan đơn vị thành phố; UBND phường, xã	
-	Quản lý phản ánh (kết nối Cao Bằng, Công dân số)	VP HĐND và UBND	Các cơ quan đơn vị thành phố; UBND phường, xã	
-	Hệ thống thư điện tử công vụ	Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin	Các cơ quan đơn vị thành phố; UBND phường, xã	
-	Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Phòng Nội vụ	Các cơ quan đơn vị thành phố; UBND phường, xã	
-	Hệ thống truyền thanh Thành phố	Trung tâm Văn hóa và Truyền thông	Phòng VHKHTT; UBND phường, xã	
-	Trang thông tin điện tử tổng hợp "caobangtv.gov.vn"	Trung tâm Văn hóa và Truyền thông	Phòng VHKHTT; cơ quan đơn vị liên quan	
2	Các chỉ tiêu nhiệm vụ theo lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ			
2.1	Thường xuyên cập nhật dữ liệu hệ thống phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Phòng Nội vụ	Các cơ quan đơn vị thành phố; UBND phường, xã	

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
	Phối hợp với phòng VH TT cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp tập huấn (Nếu có)		Phòng VHKHTT; các cơ quan đơn vị	
	Phân đầu 100% cán bộ, công chức, viên chức UBND thành phố và UBND phường, xã được bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số			
2.2	Trên 95% máy tính cán bộ, công chức, viên chức UBND thành phố và UBND phường, xã được cài đặt phần mềm phòng chống, mã độc	Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin	Cơ quan đơn vị thành phố; UBND phường, xã	
	Tham mưu UBND thành phố chỉ đạo các đơn vị rà soát các hệ thống thông tin tự đầu tư mua sắm và tổ chức thực hiện hồ sơ phê duyệt cấp độ theo quy định		Cơ quan đơn vị thành phố; UBND phường, xã	
	100% thông tin được cung cấp trên trang thông tin điện tử UBND thành phố và trang thông tin điện tử các phường, xã theo quy định		VP HĐND và UBND; Trung tâm Văn hóa và TT; cơ quan đơn vị liên quan	
	Triển khai hỗ trợ, giới thiệu các nền tảng số của quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố theo lộ trình, hướng dẫn của tỉnh		Cơ quan đơn vị liên quan; UBND phường, xã	
	Tham mưu cung cấp dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý của thành phố, báo cáo cung cấp theo hướng dẫn, yêu cầu cấp trên		Cơ quan đơn vị liên quan; UBND phường, xã	
	Tỷ lệ hộ gia đình thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt đạt từ 90% trở lên		Cơ quan đơn vị liên quan; UBND phường, xã	
	Duy trì hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến 100% phường, xã và trên 70% hộ gia đình.		cơ quan đơn vị liên quan; UBND phường, xã	
	Duy trì, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại thông minh		cơ quan đơn vị liên quan; UBND phường, xã	

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
2.3	Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện truyền thông của thành phố; Duy trì và thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền chuyên mục "Chuyển đổi số" trên sóng phát thanh của Thành phố và phường, xã; Thường xuyên sản xuất, đăng tải, cập nhật thông tin lên Trang thông tin điện tử tổng hợp "caobangtv.gov.vn" của Trung tâm; Cung cấp thông tin để đăng tải trên Trang thông tin điện tử của UBND thành phố	Trung tâm Văn hóa và Truyền thông	VP HĐND và UBND; Phòng VHKHTT; UBND phường, xã	
2.4	Duy trì đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức UBND thành phố và phường, xã được trang bị máy tính để phục vụ công việc và kết nối mạng Internet	Phòng Tài chính - Kế hoạch	VP HĐND và UBND; phòng VHKHTT; UBND phường, xã; cơ quan đơn vị liên quan	
	Tối thiểu 70% doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố tiếp cận nền tảng chuyển đổi số		phòng VHKHTT; UBND phường, xã	
	Tối thiểu 50% doanh nghiệp trên địa bàn thành phố ứng dụng các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất, kinh doanh; 80% trở lên doanh nghiệp thực hiện giao dịch điện tử trong các hoạt động về tài chính		phòng VHKHTT; các cơ quan đơn vị liên quan	
	Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí			
2.5	100% các văn bản của UBND thành phố gửi đến các đơn vị trực thuộc và UBND phường, xã, văn bản luân chuyển trong nội bộ cơ quan các đơn vị dưới dạng điện tử, trừ văn bản không được gửi qua môi trường mạng theo quy định (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy)	VP HĐND và UBND	Phòng VHKHTT; Cơ quan đơn vị liên quan	
	100% văn bản trao đổi giữa UBND thành phố và các đơn vị liên quan được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật			
	Duy trì hoạt động ổn định hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; kết nối ổn định với các hệ thống thanh toán đáp ứng			

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
	nhu cầu thanh toán trực tuyến và kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu các ngành, đơn vị liên quan theo hướng dẫn của tỉnh			
	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ đạt từ 80% trở lên; tối thiểu 95% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính			
	85% trở lên hồ sơ công việc tại thành phố được xử lý trên môi trường mạng (<i>không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật</i>)			
	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến		Cơ quan đơn vị liên quan; UBND phường, xã	
2.6	Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Phòng VHKHTT; các cơ quan đơn vị liên quan	
	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 15%.			
	Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 5%.			
	Phần đầu có ít nhất 30% doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, hộ kinh doanh, cán bộ công chức, viên chức được tham gia các chương trình tập huấn về kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử, chuyển đổi số; từng bước hình thành các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp số và hợp tác xã số			
2.7	Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn thành phố sử dụng hoá đơn điện tử đạt 100%.	Đội Thuế liên huyện thành phố Cao Bằng - Thạch An	Cơ quan đơn vị liên quan; UBND phường, xã	
	100% doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thành phố thực hiện nộp thuế điện tử			
2.8	100% thông tin được cung cấp trên trang thông tin điện tử phường, xã theo quy định		Các cơ quan đơn vị thành phố liên quan; Bộ phận chuyên môn trực thuộc	
	Trên 95% máy tính cán bộ, công chức UBND phường, xã được cài đặt phần mềm phòng chống, mã độc			

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
	Phấn đấu 100% cán bộ, công chức UBND phường, xã được bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số	UBND phường, xã		
	70% trở lên hồ sơ công việc tại phường, xã được xử lý trên môi trường mạng (<i>không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung bí mật nhà nước</i>)			
	Từ 85% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác			
	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến			
	Trên 55% người dùng điện thoại, thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh			
	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt trên 80%.			